ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ NGƯỜI CÓ CÔNG XÃ CHÍ MINH THÁNG 08 NĂM 2026

TT	Họ và tên	Số sổ trợ cấp	Tài khoản ngân hàng		Tiền phụ cấp và trợ cấp khác (Trợ cấp ưu đãi NCC hàng tháng)	Ghi chú	Đối tượng
			Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng			
1	Nguyễn Thị Hoa	33616	46010002801868	BIDV	2,589,000	Phạm Thế Hãn	TB suy giảm KNLĐ từ 29
2	Phạm Thị Hoa	16868	46810001913854	BIDV	8,639,000	Phạm Xuân Hồng	TB suy giảm KNLĐ từ 81%
3	Nguyễn Thị Bừng	7464	46010003880170	BIDV	2,789,000	Nguyễn Thị Mỉm	Tuất 1 liệt sỹ
4	Phạm Như Quân	33938	46010003858885	BIDV	1,565,000	Phạm Thị Dõi	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
5	Phạm Văn Dương	40446	4681725059	BIDV	1,565,000	Hà Thị Lảng	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
6	Phạm Thị Hoa	NPV TB	46810001913854	BIDV	2,789,000	Nguyễn Thị Chừng	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
7	Phạm Thị Hoa	36875	46810001913854	BIDV	1,673,000	Phạm Xuân Hồng	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
8	Nguyễn Văn Kiên	7506	065267580001	LPBank	2,789,000	Nguyễn Văn Nhẽ	Tuất 1 liệt sỹ
9	Nguyễn Văn Kiên	7458	065267580001	LPBank	2,789,000	Phạm Thị Don	Tuất 1 liệt sỹ
10	Vũ Văn Giang	26499	0988034119	MB	3,667,000	Vũ Văn Vương	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
11	Vũ Thị Duyền	7462	8862805651	BIDV	2,789,000	Vũ Thị Quýt	Tuất 1 liệt sỹ
12	Phạm Tú Phương	7505	9704229223594743	MB	2,789,000	Phạm Thị Thì	Tuất 1 liệt sỹ
13	Vũ Thị Hậu	19991	0338794304	MB	4,561,000	Nguyễn Minh Hải	TB suy giảm KNLĐ từ 51%
14	Trịnh Vũ Hải	25651	0968589512	MB	6,708,000	Nguyễn Văn Tiến	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%

15	Phạm Văn Đồi	31228	0347857284	MB	4,622,000	Phạm Văn Đồi	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
16	Phạm Thị Mai Dung	29287	0375381650	MB	4,622,000	Nguyễn Thị Quyên	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
17	Nguyễn Thu Thủy	7500	6610110101996	MB	2,789,000	Đặng Thị Tuyến	Tuất 1 liệt sỹ
18	Phạm Thị Ngà	7457	9704229232823950	MB	2,789,000	Phạm Thị Khá	Tuất 1 liệt sỹ
19	Phan Thị Thanh Thuỷ	49433	9704229236405739	MB	1,565,000	Hà Thị Phương	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
20	Nguyễn Văn Khánh	32402	197989699999	MB	4,622,000	Nguyễn Văn Tháu	BB suy giảm KNLĐ 61%
21	Phạm Xuân Nhuận	19699	20001014942456	MSB	2,236,000	Phạm Xuân Gọi	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
22	Nguyễn Thị Hà	32304	20001014938468	MSB	4,622,000	Nguyễn Văn Phinh	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
23	Đỗ Văn Xuân	7483	20001014742357	MSB	2,789,000	Phạm Thị Dẻo	Tuất 1 liệt sỹ
24	Đặng Thị Duyên	7503	1000000500041521	NH CSXH	5,020,000	Phạm Thị Mỹ	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
25	Phạm Văn Thuận	46395	19034641958010	Techcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Hồng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
26	Phạm Thị Óng	7465	00005143093	TPBank	2,789,000	Phạm Thị Xung	Tuất 1 liệt sỹ
27	Phạm Xuân Khương	2437	039502031	VIB	1,673,000	Phạm Xuân Khương	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
28	Phạm Xuân Trường	35185	0031000819791	Vietcombank	2,236,000	Phạm Xuân Chiến	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
29	Phạm Tuấn Oanh	23022	1020376575	Vietcombank	2,770,000	Phạm Tuấn Oanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
30	Phạm Hữu Liễn	21715	1056090153	Vietcombank	2,411,000	Phạm Ngọc Liễn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
31	Nguyễn Thị Chuyên	19193	0341005995370	Vietcombank	2,053,000	Nguyễn Văn Chuyền	TB suy giảm KNLĐ từ 23%
32	Phạm Thanh Chì	18800	2312231063820	Agribank	2,053,000	Phạm Thanh Chì	TB suy giảm KNLĐ từ 23%
33	Nguyễn Văn Minh	18153	1021027968	Vietcombank	2,770,000	Nguyễn Văn Bãnh	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
34	Phạm Thị Thòa	31714	0341007000607	Vietcombank	4,622,000	Phạm Văn Thảo	BB suy giảm KNLĐ 61%
35	Phạm Thị Thu	29951	9329093774	Vietcombank	4,622,000	Phạm Như Bột	BB suy giảm KNLĐ 61%

36	Phạm Văn Thau	29029	0341001712507	Vietcombank	4,622,000	Phạm Văn Thau	BB suy giảm KNLĐ 70%
37	Phan Thị Oanh	31834	1014042026	Vietcombank	4,622,000	Phan Thanh Tùng	BB suy giảm KNLĐ 61%
38	Phạm Xuân Nguyên	14534	1028601253	Vietcombank	1,552,000	Phạm Xuân Cừ	TB B suy giảm KNLĐ 21%
39	Phạm Thị Khuyên	7473	2312205282206	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Nói	Tuất 1 liệt sỹ
40	Phạm Xuân Luýt	7469	9912569631	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Mạ	Tuất 1 liệt sỹ
41	Phạm Thị Ánh	7477	0341006968652	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Thì	Tuất 1 liệt sỹ
42	Phạm Thị Ánh	7470	0341006968652	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Nữa	Tuất 1 liệt sỹ
43	Nguyễn Thị Huế	40436	1021420509	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Dịu	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
44	Phạm Tuấn Oanh	50773	1020376575	Vietcombank	2,120,000	Phạm Tuấn Oanh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 31%
45	Phạm Hữu Liễn	49909	1056090153	Vietcombank	2,120,000	Phạm Hữu Liễn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 35%
46	Nguyễn Thị Tuyên	42174	0341007070653	Vietcombank	3,542,000	Trương Văn Nến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
47	Nguyễn Văn Minh	32961	1021027968	Vietcombank	3,542,000	Nguyễn Văn Bảnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
48	Nguyễn Văn Chiến	2436	8863077829	BIDV	1,673,000	Nguyễn Văn Chiến	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
49	Phạm Tuấn Phong	36876	0341005593813	Vietcombank	1,673,000	Trần Công Hoan	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
50	Nguyễn Thị Hồng	35698	1027673370	Vietcombank	2,628,000	Nguyễn Hồng Hiểu	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
51	Phạm Văn Thạnh	52237	102881064604	Vietinbank	1,969,000	Phạm Văn Thạnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
52	Phạm Quang Mát	42633	0975566746	Vietinbank	1,878,000	Phạm Quang Mát	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
53	Phạm Đình Phúc	40759	108874115471	Vietinbank	1,878,000	Phạm Vũ Tiến	TB suy giảm KNLĐ 21%
54	Phạm Văn Hưng	19841	103002823575	Vietinbank	1,878,000	Phạm Văn Hằng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
55	Phạm Thị Ngân	17550	102873489782	Vietinbank	1,878,000	Phan Trọng Đỗ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
56	Nguyễn Quang Trung	708	107868169893	Vietinbank	2,911,000	Nguyễn Ngọc Chữ	BB suy giảm KNLĐ từ 41%

57	Phạm Thị Thu Hiền	707	104879834624	Vietinbank	2,911,000	Phạm Xuân Tèn	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
58	Phạm Thị Hường	29857	109003101880	Vietinbank	4,622,000	Đỗ Xuân Lánh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
59	Phạm Đình Phúc	27315	108874115471	Vietinbank	5,329,000	Phạm Vũ Tiến	BB suy giảm KNLĐ từ 75%
60	Phạm Thị Chuyên	35781	101001655406	Vietinbank	1,565,000	Đặng Thị Chuân	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
61	Phạm Văn Rồng	7492	239987001	VPBank	5,020,000	Nguyễn Thị Loan	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
62	Phạm Văn Chuộng	52609	2312231096871	Agribank	4,024,000	Phạm Văn Chuộng	TB suy giảm KNLĐ từ 61%
63	Phạm Xuân Choang	52608	2312231043114	Agribank	2,770,000	Phạm Xuân Choang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
64	Trần Mạnh Phi	23205	2312231063866	Agribank	2,770,000	Trần Mạnh Phi	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
65	Trương Bá Sững	52153	2312231042872	Agribank	1,878,000	Trương Bá Sững	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
66	Phạm Văn Tổng	36108	2312231043012	Agribank	2,236,000	Phạm Văn Tổng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
67	Phạm Thanh Xuấn	26933	2312231043143	Agribank	4,024,000	Phạm Thanh Xuấn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
68	Đặng Văn Vinh	26613	2312231062262	Agribank	2,589,000	Đặng Văn Vinh	TB suy giảm KNLĐ 21%
69	Nguyễn Văn Tung	26267	2312231043137	Agribank	2,236,000	Nguyễn Văn Tung	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
70	Phạm Quang Tự	26173	2312231017505	Agribank	3,132,000	Phạm Quang Tự	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
71	Nguyễn Thị Liễu	26012	2312231000712	Agribank	2,411,000	Phạm Xuân Trường	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
72	Phạm Hữu Tứ	25742	2312231017150	Agribank	2,053,000	Phạm Hữu Tứ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
73	Phạm Thị Hường	25587	0363275536	MB	1,878,000	Phạm Thanh Tùng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
74	Phạm Xuân Thưởng	25031	2312231062285	Agribank	2,236,000	Phạm Xuân Thưởng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
75	Trương Khắc Sợi	23911	2312231017216	Agribank	3,753,000	Trương Khắc Sợi	TB suy giảm KNLĐ 42%
76	Trương Văn Duẩn	23658	2312205234617	Agribank	1,878,000	Trương Văn Rẩn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
77	Phạm Văn Rõ	23652	2312231043461	Agribank	1,969,000	Phạm Văn Rõ	TB suy giảm KNLĐ từ 22%

78	Vũ Văn Cường	23640	2312205386073	Agribank	2,770,000	Vũ Văn Quyết	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
79	Nguyễn Văn Nẹt	22986	2312231043353	Agribank	1,969,000	Nguyễn Văn Nẹt	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
80	Phạm Xuân Mềm	22257	2312231043399	Agribank	2,770,000	Phạm Xuân Mềm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
81	Phạm Xuân Mẫn	22109	2312231017449	Agribank	1,878,000	Phạm Xuân Mẫn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
82	Phạm Xuân Mộc	22090	2312231017245	Agribank	1,878,000	Phạm Xuân Mộc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
83	Phạm Văn Luân	21901	2312249001158	Agribank	1,969,000	Phạm Văn Luân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
84	Phạm Ngọc Lượng	21693	2312231042900	Agribank	1,878,000	Phạm Ngọc Lượng	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
85	Phạm Văn Hánh	19831	2312205141929	Agribank	1,878,000	Phạm Văn Hánh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
86	Vũ Công Chúc	19063	2312231013092	Agribank	2,770,000	Vũ Công Chúc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
87	Nguyễn Văn Ca	18634	2312231097040	Agribank	2,236,000	Nguyễn Văn Ca	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
88	Nguyễn Văn Bạc	18168	2312205362994	Agribank	1,969,000	Nguyễn Văn Bạc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
89	Vũ Mạnh Điền	17667	2312231043869	Agribank	2,236,000	Vũ Mạnh Điền	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
90	Phạm Văn Điền	17665	2312205330250	Agribank	2,053,000	Phạm Văn Điền	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
91	Phạm Xuân Kiềm	21251	2312231043245	Agribank	3,667,000	Phạm Xuân Kiềm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
92	Phạm Văn Sình	23724	2312168555168	Agribank	6,081,000	Phạm Văn Sình	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
93	Phạm Văn Phận	23186	2312231043823	Agribank	5,450,000	Phạm Văn Phận	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
94	Vũ Đình Lập	21605	2312231043251	Agribank	5,450,000	Vũ Đình Lập	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
95	Nguyễn Văn Trung	19152	2312231043087	Agribank	5,450,000	Nguyễn Văn Chung	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
96	Phạm Văn Sáng	16999	2312231017137	Agribank	8,639,000	Phạm Văn Sáng	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên
97	Nguyễn Thị Chiêm	16877	2312231017534	Agribank	8,731,000	Nguyễn Văn Hoàng	TB suy giảm KNLĐ từ 82%
98	Phạm Văn Bạo	16676	2312231043881	Agribank	11,001,000	Phạm Văn Bạo	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng

99	Phạm Xuân Cước	709	2312231103390	Agribank	3,627,000	Phạm Văn Cước	BB suy giảm KNLĐ 51%
100	Phạm Văn Mức	35998	2312205034810	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Mức	BB suy giảm KNLĐ 61%
101	Phạm Văn Phong	32422	2312231004765	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Phong	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
102	Vũ Xuân Trân	32062	2312231043800	Agribank	4,622,000	Vũ Xuân Trân	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
103	Vũ Mạnh Điền	31917	2312231043869	Agribank	4,622,000	Vũ Mạnh Điền	BB suy giảm KNLĐ 61%
104	Phạm Văn Trự	31916	2312231043324	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Trự	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
105	Phạm Văn Huỳnh	31662	2312231043505	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Huỳnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
106	Phạm Văn Lưởng	31576	2312205371690	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Lưởng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
107	Phạm Văn Chuộng	30364	2312231096871	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Chuộng	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
108	Ngô Văn Nỉn	30242	2312205341749	Agribank	4,622,000	Ngô Văn Nỉn	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
109	Phạm Xuân Choang	30028	2312231043114	Agribank	4,622,000	Phạm Xuân Choang	BB suy giảm KNLĐ 61%
110	Nguyễn Văn Chủ	29509	2312231043607	Agribank	4,622,000	Nguyễn Văn Chủ	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
111	Nguyễn Thị Liễu	29036	2312231000712	Agribank	4,622,000	Nguyễn Thị Liễu	BB suy giảm KNLĐ 62%
112	Phan Thành Kính	30756	2312231115461	Agribank	4,622,000	Phan Văn Kính	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
113	Vũ Đức Nhọ	29030	2312205353210	Agribank	4,622,000	Vũ Văn Nhọ	BB suy giảm KNLĐ từ 63%
114	Phạm Văn Phát	30288	2312205212739	Agribank	4,622,000	Hoàng Quang Phát	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
115	Phạm Huy Hiện	27524	2312205375235	Agribank	5,329,000	Phạm Huy Hiện	BB suy giảm KNLĐ từ 71%
116	Phạm Văn Mộc	27325	2312231043064	Agribank	5,329,000	Phạm Văn Mộc	BB suy giảm KNLĐ từ 73%
117	Vũ Huy Đạo	52157	2312231043744	Agribank	2,789,000	Vũ Huy Đạo	Tuất 1 liệt sỹ
118	Hoàng Thị Xuyền	7509	2312231043830	Agribank	2,789,000	Hoàng Thị Xuyền	Tuất 1 liệt sỹ
119	Nguyễn Thị Liễu	7507	2312231000712	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Bé	Tuất 1 liệt sỹ

120	Phạm Thị Dung	7491	2312231006045	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Xây	Tuất 1 liệt sỹ
121	Phạm Thị Hơn	7476	2312231043410	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Hơn	Tuất 1 liệt sỹ
122	Phạm Xuân Nhừ	7474	2312249002990	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Liệu	Tuất 1 liệt sỹ
123	Phạm Xuân Quả	7468	2312205303421	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Thoa	Tuất 1 liệt sỹ
124	Phạm Thị Mến	7459	2312231062437	Agribank	2,789,000	Trương Thị Vớ	Tuất 1 liệt sỹ
125	Phạm Xuân Mến	7451	2312205203528	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Hồi	Tuất 1 liệt sỹ
126	Phạm Văn Thủy	7486	2312231098224	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Ngọt	Tuất 1 liệt sỹ
127	Phạm Trung Thành	7496	2312215003705	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Chuyền	Tuất 1 liệt sỹ
128	Phạm Thị Bầm	7487	2312231063968	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Bầm	Tuất 1 liệt sỹ
129	Phan Thị Ha	7481	2312231098247	Agribank	2,789,000	Phan Thị Ha	Tuất 1 liệt sỹ
130	Nguyễn Thị Sáu	41012	2312205192125	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Tèo	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
131	Trần Thị Công	53899	2312205244242	Agribank	1,565,000	Trần Thị Công	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
132	Phạm Thị Nhiễn	49831	2312231042837	Agribank	1,565,000	Bùi Văn Dũng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
133	Phạm Thị Nhiễn	46250	2312231042837	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Nhiễn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
134	Đỗ Thị Đưng	25368	2312231043852	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Nhớn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
135	Phạm Thị Xòe	41540	2312231062601	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Xòe	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
136	Phạm Thị Thu	40943	2312205232091	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Liển	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
137	Phạm Hoàng Tấn	40415	2312205065842	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Hoàn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
138	Phạm Đức Sơn	15480	2312231017478	Agribank	1,565,000	Bùi Thị Khoản	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
139	Phạm Văn Tuấn	53501	2312205215425	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Hảo	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
140	Phạm Thị Dung	53446	2312205244220	Agribank	1,565,000	Phạm Thị Dung	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB

141	Phạm Văn Sáng	NPV TB	2312231017137	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Vời	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
142	Nguyễn Thị Chiêm	NPV TB	2312231017534	Agribank	2,789,000	Nguyễn Văn Hoàng	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
143	Phạm Văn Bạo	NPV TB	2312231043881	Agribank	3,582,000	Phạm Thị Lảnh	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên có VT ĐB nặng ở gia đình
144	Phạm Thị Luyện	V BM VN	2312205177695	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Tẹo	Người phục vụ Bà mẹ VNAH
145	Phạm Thị Luyện	7475	2312205177695	Agribank	10,704,000	Phạm Thị Tẹo	Bà mẹ Việt nam anh hùng (02 liệt sỹ)
146	Phạm Xuân Mềm	52815	2312231043399	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Mềm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 31%
147	Phạm Văn Mỏng	52414	2312231043382	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Mỏng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
148	Vũ Công Chúc	50597	2312231013092	Agribank	2,120,000	Vũ Công Chúc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 31%
149	Vũ Đình Cọ	49908	2312231013238	Agribank	2,120,000	Vũ Đình Cọ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
150	Nguyễn Thị Liễu	49907	2312231000712	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Trường	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 27%
151	Phạm Văn Phận	49181	2312231043823	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Phận	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
152	Phạm Quang Tự	49180	2312231017505	Agribank	2,120,000	Phạm Quang Tự	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
153	Phạm Văn Hánh	49097	2312205141929	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Hánh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 21%
154	Phạm Xuân Mẫn	46692	2312231017449	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Mẫn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 21%
155	Phạm Xuân Thưởng	46366	2312231062285	Agribank	2,120,000	Phạm Xuân Thưởng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 25%
156	Nguyễn Văn Nẹt	53364	2312231043353	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Nẹt	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 22%
157	Phạm Văn Điền	53399	2312205330250	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Điền	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 23%
158	Phạm Văn Hiến	45520	2312205359484	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Hiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
159	Phạm Văn Mức	39946	2312205034810	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Mức	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
160	Nguyễn Thị Chiêm	42782	2312231017534	Agribank	1,673,000	Nguyễn Văn Hoàng	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
161	Trương Bá Sững	36877	2312231042872	Agribank	1,673,000	Trương Văn Sững	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày

162	Nguyễn Đăng Sung	53366	4610898834	BIDV	2,053,000	Nguyễn Đăng Sung	TB suy giảm KNLĐ từ 24%
163	Phạm Văn Thành	24246	4681660451	BIDV	3,667,000	Phạm Trung Tơi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
164	Phạm Thị Phương Thảo	25963	4681649548	BIDV	2,236,000	Phạm Văn Trọng	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
165	Phạm Thị Vinh	8556	4602540222	BIDV	2,789,000	Đặng Thị Điểm	Tuất 1 liệt sỹ
166	Phạm Văn Đạt	53686	46810001463748	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Lệ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
167	Nguyễn Văn Phúc	44897	4682234789	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Nhung	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
168	Phạm Thị Hạnh	42040	4602473887	BIDV	3,542,000	Bùi Xuân Trầm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
169	Nguyễn Thị Sen	13858	4602484241	BIDV	3,542,000	Bùi Văn Tẫu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
170	Đặng Mạnh Hùng	13855	46810001513166	BIDV	3,542,000	Đặng Xuân Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
171	Nguyễn Thị Sen	2551	4602484241	BIDV	2,789,000	Bùi Văn Tuyền	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
172	Phạm Xuân Trước	1954	9704229265874409	MB	2,505,000	Phạm Xuân Trước	TB suy giảm KNLĐ 28%
173	Nguyễn Đức Huân	20671	12366889999	MB	2,770,000	Nguyễn Công Hoan	TB suy giảm KNLĐ 31%
174	Chu Quý Công	20137	9704229265875273	MB	1,878,000	Chu Xuân Hồng	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
175	Nguyễn Văn Chiến	19848	939678956789	MB	1,878,000	Nguyễn Tiến Hữu	TB suy giảm KNLĐ 21%
176	Nguyễn Văn Nhượng	937	9704229201438469048	MB	2,911,000	Nguyễn Văn Nhượng	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
177	Nguyễn Công Chức	940	9704229268887085	MB	2,911,000	Nguyễn Công Chức	BB suy giảm KNLĐ 41%
178	Nguyễn Văn Cờ	934	9704229265875844	MB	2,911,000	Nguyễn Văn Cờ	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
179	Đỗ Quang Biện	30120	9704229214403995	MB	4,622,000	Đỗ Quang Biện	BB suy giảm KNLĐ 61%
180	Nguyễn Thanh Tùng	30063	1821984888	MB	4,622,000	Nguyễn Xuân Quy	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
181	Phạm Xuân Trước	28637	9704229265874409	MB	4,622,000	Phạm Xuân Trước	BB suy giảm KNLĐ 65%
182	Nguyễn Thị Loan	14567	9704229267927478	MB	8,135,000	Trần Xuân Tưởng	TB B suy giảm KNLĐ 91%

183	Bùi Văn Bình	8597	0989370469	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Xôi	Tuất 1 liệt sỹ
184	Bùi Văn Bình	8594	0989370469	MB	2,789,000	Bùi Văn Nhượng	Tuất 1 liệt sỹ
185	Nguyễn Thành Đồng	8602	9704229265877840	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Xu	Tuất 1 liệt sỹ
186	Phạm Văn Đoan	8563	0976022168	MB	2,789,000	Vũ Thị Nhiên	Tuất 1 liệt sỹ
187	Phạm Thị Thanh	8554	9704229246312214	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất 1 liệt sỹ
188	Nguyễn Văn Thụ	8549	2312231134437	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tơ	Tuất 1 liệt sỹ
189	Nguyễn Văn Thụ	8548	2312231134437	Agribank	2,789,000	Nguyễn Trung Trắc	Tuất 1 liệt sỹ
190	Nguyễn Văn Ca	14941	0972713077	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Thường	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
191	Nguyễn Văn Tuấn	51179	2312205416550	Agribank	1,565,000	Bùi Thị Xuyến	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
192	Phạm Thị Thanh	40444	9704229246312214	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
193	Nguyễn Thị Thịnh	15489	9704229234205800	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Khánh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
194	Nguyễn Thị Loan		9704229267927478	MB	2,789,000	Vũ Thị Thoa	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
195	Chu Quý Công	53043	9704229265875273	MB	2,120,000	Chu Xuân Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
196	Nguyễn Quốc Ngành	13860	9704229265872056	MB	3,542,000	Nguyễn Quốc Ngành	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
197	Nguyễn Văn Nhượng	38708	9704229383181372	MB	4,964,000	Nguyễn Văn Nhượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
198	Nguyễn Văn Nhượng	3304	9704229383181372	MB	1,673,000	Nguyễn Văn Thanh	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
199	Vũ Xuân Biểu	36915	9704229201351459935	MB	1,673,000	Vũ Văn Đàm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
200	Nguyễn Xuân Sự	36908	0530104641007	MB	1,673,000	Bùi Thị Thơm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
201	Nguyễn Quốc Ngành	34790	9704229265872056	MB	2,628,000	Nguyễn Quốc Ngành	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
202	Hà Văn Duyên	34789	9704229268887002	MB	2,746,000	Hà Ngọc Duyên	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT
203	Phạm Thị Chung	17344	20001014935092	MSB	1,878,000	Ngô Bá Đàm	TB suy giảm KNLĐ từ 21%

204	Phạm Thị Vân	25251	20001014705642	MSB	5,450,000	Nguyễn Thế Thoả	TB suy giảm KNLĐ từ 61%
205	Phạm Văn Tình	32238	20001014956396	MSB	4,622,000	Phạm Xuân Thi	BB suy giảm KNLĐ 61%
206	Nguyễn Văn Đầm	8576	030056521042	Sacombank	2,789,000	Nguyễn Thị Ngợi	Tuất 1 liệt sỹ
207	Trần Thị Thuý	8550	030023011189	Sacombank	2,789,000	Trần Thị Cáy	Tuất 1 liệt sỹ
208	Nguyễn Văn Đầm	42047	030056521042	Sacombank	2,789,000	Nguyễn Thị Điềm	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
209	Bùi Mạnh Du	36344	0341005828403	Vietcombank	1,878,000	Bùi Văn Tim	TB suy giảm KNLĐ 21%
210	Phạm Thị Mỹ	26873	0341006904914	Vietcombank	1,878,000	Phạm Văn Xê	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
211	Phạm Thị Nga	24917	0341006905339	Vietcombank	2,236,000	Phạm Ngọc Thanh	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
212	Nguyễn Văn Đức	24803	0341000640784	Vietcombank	4,561,000	Nguyễn Văn Thạo	TB suy giảm KNLĐ 51%
213	Chu Văn Tập	24444	1038879082	Vietcombank	2,236,000	Chu Văn Tập	TB suy giảm KNLĐ 25%
214	Nguyễn Thị Nhung	24240	1035080889	Vietcombank	5,277,000	Nguyễn Trung Tơn	TB suy giảm KNLĐ từ 53%
215	Nguyễn Hồng Anh	23674	1031248889	Vietcombank	2,053,000	Nguyễn Huy Sách	TB suy giảm KNLĐ 23%
216	Nguyễn Thị Hương	23250	0341006978166	Vietcombank	3,217,000	Nguyễn Xuân Phiến	TB suy giảm KNLĐ từ 36%
217	Hoàng Thị Nhung	22882	040100036633	Vietcombank	4,918,000	Phạm Văn Nhớn	TB suy giảm KNLĐ 55 %
218	Nguyễn Xuân Hùng	18314	0341005918620	Vietcombank	4,561,000	Nguyễn Văn Bưởng	TB suy giảm KNLĐ 51%
219	Nguyễn Thị Trà My	939	1017340692	vietcombank	2,911,000	Nguyễn Xuân Tuy	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
220	Bùi Xuân Tuyển	930	1042347800	Vietcombank	3,627,000	Bùi Xuân Tuyển	BB suy giảm KNLĐ từ 56%
221	Nguyễn Thị Hương	28664	0341006978136	Vietcombank	4,622,000	Trần Bá Vịnh	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
222	Đặng Xuân Bình	32413	0591000215790	Vietcombank	4,622,000	Đặng Văn Quảng	BB suy giảm KNLĐ 61%
223	Nguyễn Hồng Anh	28632	1031248889	Vietcombank	4,622,000	Nguyễn Huy Sách	BB suy giảm KNLĐ 65%
224	Vũ Thị Vui	941	0341006952580	Vietcombank	4,622,000	Vũ Tiến Dũng	BB suy giảm KNLĐ từ 41%

225	Phạm Thị Duyên	8599	1058446401	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Đỗ	Tuất 1 liệt sỹ
226	Đỗ Thị Thơm	8604	0341006905165	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Nhãn	Tuất 1 liệt sỹ
227	Nguyễn Văn Biện	8562	1031017991	Vietcombank	2,789,000	Phạm Thị Sáu	Tuất 1 liệt sỹ
228	Chu Đức Đạt	8558	0341007124665	Vietcombank	5,020,000	Vũ Thị San	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
229	Phạm Thị Lan	36063	0491000147010	Vietcombank	1,565,000	Đặng Thị Nở	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
230	Nguyễn Thị Hương	42930	0341006978136	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Hòa	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
231	Vũ Xuân Hồng	46304	0341007006948	Vietcombank	2,120,000	Vũ Xuân Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
232	Nguyễn Thị Hương	25364	0341006978166	Vietcombank	3,542,000	Nguyễn Xuân Phiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
233	Nguyễn Thị Lan	43278	0341006938652	Vietcombank	3,542,000	Phạm Hữu Quỳnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
234	Nguyễn Thị Nhung	33030	1035080889	Vietcombank	3,542,000	Nguyễn Trung Tơn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
235	Bùi Xuân Tuyển	14213	1042347800	Vietcombank	3,542,000	Bùi Xuân Tuyển	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
236	Vũ Thị Ái	13874	0341006905566	Vietcombank	3,542,000	Vũ Như Ý	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
237	Phạm Văn Công	13873	2312215034035	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Chiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
238	Đặng Lê Thị Trà My	13872	0341007055755	Vietcombank	3,542,000	Đặng Long Xuyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
239	Phạm Thị Mỹ	13862	0341006904914	Vietcombank	3,542,000	Phạm Văn Xê	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
240	Bùi Thị Toan	13857	0341006905574	Vietcombank	3,542,000	Phạm Văn Thơm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
241	Phạm Văn Công	38677	2312215034035	Agribank	4,964,000	Nguyễn Thị Lan	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
242	Vũ Thị Ái	2553	0341006905566	Vietcombank	1,673,000	Vũ Thị Mai	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
243	Nguyễn Thị Nhung	36916	1035080889	Vietcombank	1,673,000	Nguyễn Trung Tơn	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
244	Vũ Thị Hồng Len	33619	101870628942	Vietinbank	1,878,000	Nguyễn Văn Vượng	TB suy giảm KNLĐ 21%
245	Phạm Thị Lượt	18418	103006687541	Vietinbank	2,144,000	Nguyễn Văn Bền	TB suy giảm KNLĐ 24%

246	Nguyễn Thị Huyền	936	103001633669	Vietinbank	2,911,000	Trần Ngọc Oanh	BB suy giảm KNLĐ 41%
247	Nguyễn Thị Huyền	28532	105881660069	Vietinbank	4,622,000	Nguyễn Văn Dương	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
248	Nguyễn Văn Tâm	27532	103879764446	Vietinbank	5,329,000	Phạm Văn Đụng	BB suy giảm KNLĐ từ 71%
249	Phạm Thị Huyên	41535	102001692161	Vietinbank	1,565,000	Vũ Thị Hệ	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
250	Phạm Thị Thuyên	43447	0365114025	Vietinbank	1,673,000	Phạm Thị Thuyên	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
251	Nguyễn Thế Hoà	26467	0943943238	Viettinbank	1,878,000	Nguyễn Thế Vững	TB suy giảm KNLĐ 21%
252	Nguyễn Hữu Dũng	19531	104879338639	Viettinbank	4,024,000	Nguyễn Hữu Dũng	TB suy giảm KNLĐ 45%
253	Đặng Văn Đường	45984	100879845920	Viettinbank	2,053,000	Đặng Văn Đường	TB suy giảm KNLĐ 23%
254	Nguyễn Thế Hoà	929	0943943238	Viettinbank	2,911,000	Nguyễn Thế Vững	BB suy giảm KNLĐ 41%
255	Nguyễn Thế Hoà	14199	0943943238	Viettinbank	3,542,000	Nguyễn Thế Vững	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
256	Nguyễn Thanh Bình	33692	2312231105185	Agribank	1,878,000	Nguyễn Thanh Bình	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
257	Nguyễn Xuân Vở	26554	2312231076280	Agribank	1,878,000	Nguyễn Xuân Vở	TB suy giảm KNLĐ 21%
258	Nguyễn Văn Tân	24210	2312231076606	Agribank	4,024,000	Nguyễn Văn Tân	TB suy giảm KNLĐ 45%
259	Bùi Xuân Nhị	22914	2312231101791	Agribank	3,399,000	Bùi Xuân Nhị	TB suy giảm KNLĐ 38%
260	Nguyễn Thanh Miện	22233	2312231092082	Agribank	1,878,000	Nguyễn Thanh Miện	TB suy giảm KNLĐ 21%
261	Nguyễn Ngọc Long	21822	2312231071950	Agribank	2,053,000	Nguyễn Ngọc Long	TB suy giảm KNLĐ 23%
262	Phạm Trung Lập	21602	2312205275217	Agribank	3,667,000	Phạm Văn Lập	TB suy giảm KNLĐ 41%
263	Nguyễn Hồng Khanh	21028	2312231074596	Agribank	2,144,000	Nguyễn Hồng Khanh	TB suy giảm KNLĐ 24%
264	Nguyễn Văn Hoan	20679	2312231076460	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Hoan	TB suy giảm KNLĐ 21%
265	Nguyễn Thanh Hồng	20148	2312231075025	Agribank	1,878,000	Nguyễn Thanh Hồng	TB suy giảm KNLĐ 21%
266	Nguyễn Văn Chiều	19025	2312231076504	Agribank	2,053,000	Nguyễn Văn Chiều	TB suy giảm KNLĐ từ 21%

267	Nguyễn Văn Chanh	18867	2312231076448	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Chanh	TB suy giảm KNLĐ 21%
268	Đặng Văn Thoa	25270	2312231086986	Agribank	2,236,000	Đặng Đức Thoa	TB suy giảm KNLĐ 25%
269	Đặng Duy Thiết	25145	2312231082100	Agribank	1,878,000	Đặng Huy Thiết	TB suy giảm KNLĐ 21%
270	Bùi Văn Mỳ	22292	2312231072193	Agribank	1,878,000	Bùi Sỹ Mỳ	TB suy giảm KNLĐ 21%
271	Phạm Tuấn Quang	52991	2312231087841	Agribank	2,770,000	Phạm Tuấn Quang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
272	Nguyễn Viết Thức	52540	2312231087870	Agribank	1,878,000	Nguyễn Viết Thức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
273	Nguyễn Công Sử	51277	2312231073144	Agribank	1,878,000	Nguyễn Công Sử	TB suy giảm KNLĐ 21%
274	Trần Anh Lựu	51276	2312231072079	Agribank	1,969,000	Trần Anh Lựu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
275	Vũ Văn Phiệu	50698	2312231083160	Agribank	2,144,000	Vũ Văn Phiệu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
276	Nguyễn Đức Thưa	25362	2312231072040	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đức Thưa	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
277	Nguyễn Văn Tương	42173	2312231072141	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Tương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
278	Nguyễn Trung Dũng	33621	2312231072158	Agribank	2,053,000	Nguyễn Trung Dũng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
279	Nguyễn Trung Lập	33420	2312231087756	Agribank	3,667,000	Nguyễn Trung Lập	TB suy giảm KNLĐ từ 41%
280	Phạm Văn Tẽo	25599	2312231087762	Agribank	3,667,000	Phạm Văn Tẽo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
281	Hà Văn Thái	24495	2312231073173	Agribank	3,667,000	Hà Văn Thái	TB suy giảm KNLĐ 41%
282	Nguyễn Văn Quánh	23369	2312231072187	Agribank	3,667,000	Nguyễn Văn Quánh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
283	Phạm Văn Phú	23279	2312231082405	Agribank	2,770,000	Phạm Văn Phú	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
284	Nguyễn Văn Nghị	22590	2312231073614	Agribank	3,667,000	Nguyễn Văn Nghị	TB suy giảm KNLĐ từ 41%
285	Nguyễn Văn Mùa	22145	2312231073650	Agribank	3,667,000	Nguyễn Văn Mùa	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
286	Trần Công Lệ	21772	2312231071785	Agribank	3,667,000	Trần Công Lệ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
287	Bùi Thế Lộc	21549	2312205138188	Agribank	3,667,000	Bùi Thế Lộc	TB suy giảm KNLĐ 41%

288	Phạm Văn Hý	20853	2312205211867	Agribank	2,053,000	Phạm Văn Hý	TB suy giảm KNLĐ từ 41%
289	Nguyễn Văn Huyên	20819	2312231073013	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Huyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
290	Đặng Xuân Hạm	20062	2312231072164	Agribank	3,667,000	Đặng Xuân Hạm	TB suy giảm KNLĐ 41%
291	Nguyễn Văn Công	18545	2312205295873	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Công	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
292	Nguyễn Văn Bình	18061	2312231087791	Agribank	4,024,000	Nguyễn Văn Bình	TB suy giảm KNLĐ 45%
293	Đặng Minh Đức	17786	2312231086718	Agribank	2,236,000	Đặng Minh Đức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
294	Vũ Thị Loan	17220	06735990000068	MBV	2,683,000	Đặng Văn Ân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
295	Nguyễn Văn Cải	18596	2312231082168	Agribank	5,450,000	Nguyễn Văn Cải	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
296	Nguyễn Đình Tảo	17016	2312231087914	Agribank	8,639,000	Nguyễn Đình Tảo	TB suy giảm KNLĐ 81%
297	Đàm Xuân Đạo	16666	2312231117292	Agribank	10,107,000	Đàm Xuân Đạo	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng
298	Phạm Công Vinh	932	2312205211476	Agribank	2,911,000	Phạm Công Vinh	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
299	Vũ Văn Toàn	927	2312231108069	Agribank	2,911,000	Vũ Văn Toàn	BB suy giảm KNLĐ 41%
300	Nguyễn Ngọc Lúa	942	2312231086674	Agribank	2,911,000	Nguyễn Ngọc Lúa	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
301	Bùi Huy Duyên	938	2312231082428	Agribank	2,911,000	Bùi Huy Duyên	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
302	Nguyễn Đức Diệu	935	2312231087858	Agribank	2,911,000	Nguyễn Đức Diệu	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
303	Trần Văn Dương	931	2312231086697	Agribank	2,911,000	Trần Văn Dương	BB suy giảm KNLĐ từ 41%
304	Phạm Minh Vượng	32311	2312231076346	Agribank	4,622,000	Phạm Minh Vượng	BB suy giảm KNLĐ 61%
305	Phạm Ngọc Lâm	31901	2312231116934	Agribank	4,622,000	Phạm Ngọc Lâm	BB suy giảm KNLĐ 61%
306	Vũ Đình Tuyên	31533	2312231083148	Agribank	4,622,000	Vũ Đình Tuyên	BB suy giảm KNLĐ 61%
307	Vũ Hải Hà	31512	2312205307661	Agribank	4,622,000	Vũ Đình Kha	BB suy giảm KNLĐ 61%
308	Phạm Văn Thích	31243	2312231073065	Agribank	4,622,000	Phạm Xuân Thích	BB suy giảm KNLĐ 61%

309	Đàm Xuân Hiếu	30755	2312231076317	Agribank	4,622,000	Đàm Xuân Hiếu	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
310	Nguyễn Đức Toản	30741	2312231076375	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Toản	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
311	Phạm Hồng Ngát	30278	2312231096451	Agribank	4,622,000	Lê Hồng Ngát	BB suy giảm KNLĐ 61%
312	Nguyễn Quang Hoà	28824	2312231074987	Agribank	4,622,000	Nguyễn Quang Hoà	BB suy giảm KNLĐ 65%
313	Ngô Thị Tuấn	28815	2312205022630	Agribank	4,622,000	Nguyễn Tiến Nhinh	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
314	Đặng Văn Đương	28734	2312231082696	Agribank	4,622,000	Đặng Xuân Đương	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
315	Phạm Văn Khoái	32155	2312231083098	Agribank	4,622,000	Phạm Văn Khoái	BB suy giảm KNLĐ 61%
316	Nguyễn Ngọc Châu	31847	2312231072880	Agribank	4,622,000	Nguyễn Ngọc Châu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
317	Nguyễn Đức Thưa	30218	2312231072040	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Thưa	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
318	Nguyễn Đức Điểu	30097	2312231087740	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Điểu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
319	Nguyễn Đăng Miên	29831	2312231071812	Agribank	8,503,000	Nguyễn Đăng Miên	BB suy giảm KNLĐ 93%
320	Nguyễn Đăng Miên	29831	2312231071812	Agribank	2,789,000	Nguyễn Đăng Miên	Người phục vụ bệnh binh 93%
321	Nguyễn Viết Thức	29758	2312231087870	Agribank	4,622,000	Nguyễn Viết Thức	BB suy giảm KNLĐ 61%
322	Nguyễn Đại Thắng	28941	2312231073666	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đại Thắng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
323	Nguyễn Đức Bền	28846	2312231071756	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Bền	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
324	Trần Duy Miềng	28804	2312231071683	Agribank	4,622,000	Trần Duy Miềng	BB suy giảm KNLĐ từ 65%
325	Ngô Bá Định	28658	2312231087812	Agribank	4,622,000	Ngô Bá Định	BB suy giảm KNLĐ từ 61%
326	Vũ Xuân Đãi	28507	2312231083046	Agribank	4,622,000	Vũ Xuân Đãi	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
327	Vũ Xuân Thô	933	2312231009260	Agribank	4,622,000	Vũ Xuân Thô	BB suy giảm KNLĐ 61%
328	Nguyễn Văn Tương	27682	2312231072141	Agribank	5,329,000	Nguyễn Văn Tương	BB suy giảm KNLĐ từ 71%
329	Nguyễn Văn Sử	14566	2312231025040	Agribank	1,552,000	Nguyễn Văn Sử	TB B suy giảm KNLĐ từ 21%

330	Vũ Xuân Đãi	52811	2312231083046	Agribank	2,577,000	Vũ Xuân Đãi	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
331	Phạm Quốc Trung	8591	2312231071870	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Hát	Tuất 1 liệt sỹ
332	Nguyễn Quang Vinh	8589	2312205217046	Agribank	2,789,000	Đinh Thị Nhắc	Tuất 1 liệt sỹ
333	Lê Văn Trình	8588	2312231083081	Agribank	2,789,000	Vũ Thị Nõn	Tuất 1 liệt sỹ
334	Nguyễn Thị Oanh	8586	2312231087829	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Oanh	Tuất 1 liệt sỹ (TÁI GIÁ)
335	Chu Văn Biềng	8578	2312205281958	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Lánh	Tuất 1 liệt sỹ
336	Nguyễn Thị Lán	8574	2312231073036	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Lán	Tuất 1 liệt sỹ
337	Nguyễn Trung Dũng	8569	2312231072158	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Mây	Tuất 1 liệt sỹ
338	Phạm Văn Bồng	8566	2312231072952	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nghiệp	Tuất 1 liệt sỹ
339	Nguyễn Văn Huy	8564	2312231082542	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Đồng	Tuất 1 liệt sỹ
340	Phạm Văn Thạch	8553	2312205291951	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Dít	Tuất 1 liệt sỹ
341	Nguyễn Trung Dũng	8544	2312231072158	Agribank	2,789,000	Nguyễn Trung Dũng	Tuất 1 liệt sỹ
342	Nguyễn Ngọc Lợi	8542	2312519861986	Agribank	2,789,000	Lưu Thị Lương	Tuất 1 liệt sỹ
343	Nguyễn Công Bính	8592	2312205197713	Agribank	5,020,000	Trần Thị Oánh	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
344	Nguyễn Thị Thảo	34074	2312231082638	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Thảo	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
345	Nguyễn Thị Thu	49099	2312205286084	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị The	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
346	Bùi Thị Trà	15318	2312231082276	Agribank	1,565,000	Bùi Thị Trà	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
347	Bùi Sỹ Tuấn	15317	2301205165294	Agribank	1,565,000	Trần Thị Hoài	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
348	Bùi Sỹ Tuấn	15316	2301205165294	Agribank	1,565,000	Trần Thị Tắc	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
349	Nguyễn Văn Tân	15314	2312231076606	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Xanh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
350	Trần Thị Liên	44804	2312231087908	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Nhân	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB

351	Phạm Đình Đại	40443	102005662758	Viettinbank	1,565,000	Nguyễn Thị Lâm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
352	Nguyễn Văn Tuấn	32916	2312205367765	Agribank	1,565,000	Đặng Thị Vụ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
353	Nguyễn Thị Gấm	53849	2312231126002	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Nhắc	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXND
354	Nguyễn Thị Gấm	53768	2312231126002	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Gấm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
355	Nguyễn Văn Toàn	40447	2312910011981	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Lưới	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
356	Nguyễn Đình Tảo		2312231087914	Agribank	2,789,000	Trần Thị Luy	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
357	Đàm Xuân Đạo	NPV	2312231117292	Agribank	3,582,000	Nguyễn Thị Soái	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên có VT ĐB nặng ở gia đình
358	Nguyễn Thanh Miện	46208	2312231092082	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thanh Miện	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
359	Nguyễn Thanh Bình	45664	2312231105185	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thanh Bình	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
360	Nguyễn Thanh Hồng	45622	2312231075025	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thanh Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
361	Phạm Văn Rồi	52740	2312231082673	Agribank	2,120,000	Phạm Văn Rồi	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 35%
362	Đặng Duy Nhiên	46274	2312231071841	Agribank	2,120,000	Đặng Duy Nhiên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
363	Nguyễn Văn Đằng	45944	2312231127238	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Đằng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
364	Nguyễn Văn Huynh	53445	2312205266239	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Huynh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
365	Nguyễn Văn Nghị	53853	2312231073614	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Nghị	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
366	Bùi Xuân Lộc	44888	2312231076527	Agribank	3,542,000	Bùi Xuân Lộc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
367	Phạm Thị Luân	44249	106002315850	Viettinbank	3,542,000	Phạm Hữu Luyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
368	Nguyễn Đức Chanh	13871	2312231076579	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đức Chanh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
369	Nguyễn Văn Mùa	45529	2312231073650	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Mùa	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
370	Trần Thị Thoan	45523	2312231082650	Agribank	3,542,000	Trần Văn Minh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
371	Nguyễn Đình Tảo	25292	2312231087914	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đình Tảo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%

372	Trần Công Lệ	25283	2312231071785	Agribank	3,542,000	Trần Công Lệ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
373	Đặng Xuân Hạm	45183	2312231072164	Agribank	3,542,000	Đặng Xuân Hạm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
374	Nguyễn Gia Thiều	44361	2312231071943	Agribank	3,542,000	Nguyễn Gia Thiều	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
375	Nguyễn Trung Lập	42981	2312231087756	Agribank	3,542,000	Nguyễn Trung Lập	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
376	Hà Văn Thái	42779	2312231073173	Agribank	3,542,000	Hà Văn Thái	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
377	Nguyễn Ngọc Long	42766	2312231071950	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Long	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
378	Nguyễn Văn Quánh	42046	2312231072187	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Quánh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
379	Nguyễn Thị Tươi	41544	2312205124279	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Cải	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
380	Vũ Minh Thành	39930	2312215003308	Agribank	3,542,000	Vũ Xuân Tiếp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
381	Phạm Văn Tẽo	33788	2312231087762	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Tẽo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
382	Nguyễn Đức Lời	33190	2312231071791	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đức Lời	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
383	Trần Duy Linh	13870	2312231071864	Agribank	3,542,000	Trần Duy Linh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
384	Nguyễn Hồng Hiệp	13867	2312231073608	Agribank	3,542,000	Nguyễn Hồng Hiệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
385	Nguyễn Thanh Thuyết	13866	2312231073404	Agribank	3,542,000	Nguyễn Thanh Thuyết	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41%
386	Phạm Huy Đỗ	13865	2312205342583	Agribank	3,542,000	Phạm Huy Đỗ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 41%
387	Vũ Văn Phiệu	13864	2312231083160	Agribank	3,542,000	Vũ Văn Phiệu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
388	Phạm Văn Hý	13861	2312205211867	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Hý	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
389	Bùi Văn Cải	38675	2312231096576	Agribank	4,964,000	Bùi Văn Cải	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 61%
390	Vũ Thị Biển	2447	2312231050908	Agribank	1,673,000	Vũ Thị Biển	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
391	Phạm Văn Tẽo	2550	2312231087762	Agribank	1,673,000	Phạm Minh Tuấn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
392	Nguyễn Đức Lời	32658	2312231071791	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Lan	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên

393	Đặng Minh Quân	2549	2312215002856	Agribank	2,789,000	Đặng Thị Hằng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
394	Trần Duy Linh	36909	2312231071864	Agribank	1,673,000	Trần Duy Linh	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
395	Trần Văn Xuê	36905	2312231071829	Agribank	1,673,000	Trần Văn Xuê	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
396	Nguyễn Thị Huyền	34791	103001633669	Viettinbank	2,628,000	Nguyễn Văn Trung	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
397	Nguyễn Huy Ưởng	34794	2312231071989	Agribank	2,628,000	Nguyễn Huy Ưởng	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
398	Bùi Văn Quang	34792	2312231105179	Agribank	2,746,000	Bùi Văn Quang	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT
399	Nguyễn Văn Huynh	34793	2312205266239	Agribank	2,988,000	Nguyễn Văn Huynh	Quân nhân xuất ngũ từ 18 đến dưới 19 năm CT
400	Đồng Xuân Điệp	41381	259534929	ACB	2,789,000	Đồng Xuân Điệp	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
401	Nguyễn Tiến Thảo	24723	6020498222	BIDV	4,024,000	Nguyễn Tiến Thảo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
402	Trần Thị Mải	8479	0346987460	BIDV	2,789,000	Nguyễn Thị Tro	Tuất 1 liệt sỹ
403	Nguyễn Văn Khánh	15559	4603096791	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Coóng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
404	Nguyễn Thị Quyên	49100	4603907653	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Bé	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
405	Bùi Thị Phượng	53321	4601174938	BIDV	1,565,000	Trần Thị Thắm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
406	Nguyễn Tiến Thảo	35743	6020498222	BIDV	3,542,000	Nguyễn Tiến Thảo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
407	Trần Khánh Toàn	8464	959581215014	PGD	2,789,000	Nguyễn Đình Giản	Tuất 1 liệt sỹ
408	Nguyễn Hữu Huy	35870	1971986789	MB	3,667,000	Nguyễn Xuân Thầm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
409	Phạm Văn Tịnh	35206	9704229336562405	MB	2,589,000	Phạm Văn Tịnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
410	Phạm Huy Nhàng	33588	9704229366459787	MB	2,683,000	Phạm Huy Nhàng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
411	Nguyễn Thị Len	19058	9704229245138560	MB	2,770,000	Nguyễn Đình Chúc	TB suy giảm KNLĐ từ 31%
412	Phạm Văn Ngợi	32181	9704229345010313	MB	4,622,000	Phạm Văn Ngợi	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
413	Nguyễn Đình Hậu	31792	9704229202538425260	MB	4,622,000	Nguyễn Đình Hậu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%

414	Nguyễn Tiến Lục	31758	97042292054435937 67	MB	4,622,000	Nguyễn Tiến Lục	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
415	Nguyễn Ngọc Lân	30952	97042292091108675 61	MB	4,622,000	Nguyễn Ngọc Lân	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
416	Nguyễn Văn Nhu	29011	97042292070646290 45	MB	4,622,000	Nguyễn Văn Nhu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
417	Nguyễn Ngọc Thai	27423	97042292076626877 75	MB	5,329,000	Nguyễn Ngọc Thai	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
418	Nguyễn Diệu Thúy	8459	97042292064790735 42	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Mơ	Tuất 1 liệt sỹ
419	Nguyễn Thị Lê	7688	97042292069292109 34	MB	2,789,000	Trương Thị Tý	Tuất 1 liệt sỹ
420	Nguyễn Thị Len	8463	9704229245138560	MB	2,789,000	Phạm Thị Liễu	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
421	Nguyễn Thị May	52246	97042292012857627 76	MB	1,565,000	Phạm Thị Hòa	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
422	Đồng Thị Ngần	33171	97042292039703998 15	MB	1,565,000	Đồng Thị Ngần	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
423	Nguyễn Hữu Chức	46399	9704229385197418	MB	2,120,000	Nguyễn Hữu Chức	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
424	Nguyễn Thị Tuấn	41542	976542234	MB	3,542,000	Nguyễn Minh Tỏ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
425	Nguyễn Tiến Lục	32811	97042292054435937 67	MB	3,542,000	Nguyễn Tiến Lục	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
426	Nguyễn Văn Nhu	32812	97042292070646290 45	MB	3,542,000	Nguyễn Văn Nhu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
427	Nguyễn Văn Lai	37761	97042292011529530 37	MB	3,542,000	Nguyễn Văn Lai	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
428	Nguyễn Thị Tuấn	36955	976542234	MB	1,673,000	Nguyễn Minh Tỏ	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
429	Nguyễn Thiên Trược	51182	97042292056899178 60	MB	1,969,000	Nguyễn Thiên Trược	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
430	Nguyễn Doãn Thắng	35176	97042292002617034 16	MB	1,878,000	Cao Doãn Thắng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
431	Đinh Văn Tung	26265	2312231131110	Agribank	1,878,000	Đinh Văn Tung	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
432	Nguyễn Hữu Thuân	25381	2312231131104	Agribank	2,236,000	Nguyễn Hữu Thuân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
433	Nguyễn Văn Mẫn	22108	97042292028634154 56	MB	2,411,000	Nguyễn Văn Mẫn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
434	Nguyễn Thiên Lịnh	21705	97042292011741736 06	MB	1,878,000	Nguyễn Thiện Linh	TB suy giảm KNLĐ 21%

435	Trần Văn Hạc	20060	97042292086897413 14	MB	1,878,000	Trần Văn Hạc	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
436	Nguyễn Kim Cồng	18664	97042292057902142 56	MB	3,132,000	Nguyễn Kim Cồng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-%
437	Đàm Hữu Chuộng	19131	97042292064761919 82	MB	3,132,000	Đàm Huy Chuộng	TB suy giảm KNLĐ 35%
438	Phạm Văn Ba	18201	97042292023893761 74	MB	1,878,000	Phạm Văn Ba	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
439	Nguyễn Đình Sơn	23772	97042292050880564 50	MB	5,450,000	Nguyễn Đình Sơn	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
440	Trần Văn Phan	902	97042292075720827 29	MB	2,911,000	Trần Văn Phận	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
441	Nguyễn Thiên Trược	32188	97042292056899178 60	MB	4,622,000	Nguyễn Thiên Trược	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
442	Đặng Xuân Nhứ	894	97042292014628921 72	MB	4,622,000	Đặng Xuân Nhứ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
443	Nguyễn Thị Len	8468	9704229245138560	MB	2,789,000	Nguyễn Văn Chúc	Tuất 1 liệt sỹ
444	Nguyễn Thị Thuế	8437	97042292054547911 77	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Thuế	Tuất 1 liệt sỹ
445	Đặng Thị Nhân	42189	97042292054440925 04	MB	2,789,000	Nguyễn Thị Nhuần	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
446	Đinh Văn Thọ	53173	7450104833005	MB	1,565,000	Nguyễn Thị Cúc	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
447	Trần Văn Hạc	42776	97042292086897413 14	MB	3,542,000	Trần Văn Hạc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
448	Nguyễn Văn Mẫn	14212	97042292028634154 56	MB	3,542,000	Nguyễn Văn Mẫn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
449	Nguyễn Hữu Thuân	40690	2312231131104	Agribank	1,673,000	Nguyễn Hữu Thuân	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
450	Nguyễn Thiên Lịnh	39252	97042292011741736 06	MB	1,673,000	Nguyễn Thiện Minh	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
451	Đinh Văn Tung	36894	2312231131110	Agribank	1,673,000	Đinh Văn Tung	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
452	Vũ Xuân Trường	26019	06706700211100031	MBV	3,667,000	Vũ Xuân Trường	TB suy giảm KNLĐ 41%
453	Trần Văn Khơi	896	20001014978633	MSB	2,911,000	Trần Văn Xuyến	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
454	Trần Thị Ngân Hà	49769	030040201404	Sacombank	2,789,000	Trần Thị Hợp	Tuất 1 liệt sỹ
455	Trần Thị Hạnh	23538	0341006906258	Vietcombank	2,236,000	Đinh Văn Quý	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

456	Trần Thị Ánh	23187	0341007065546	Vietcombank	2,770,000	Trần Văn Phận	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
457	Nguyễn Thị Nhiên	25315	0341007095873	Vietcombank	1,878,000	Vũ Văn Thức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
458	Nguyễn Thị Thủy	25910	9344188693	Vietcombank	2,236,000	Nguyễn Thế Trương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
459	Trần Văn Chinh	19136	1012551377	Vietcombank	6,343,000	Trần Văn Chuốt	TB suy giảm KNLĐ 71%
460	Lê Thị An	897	0341000640946	Vietcombank	2,911,000	Đinh Công Khảm	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
461	Nguyễn Thiên Liệu	29797	1017595361	Vietcombank	4,622,000	Nguyễn Thiên Liệu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
462	Trương Công Du	743	0341006937631	Vietcombank	4,622,000	Trương Công Oánh	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
463	Trần Văn Diện	28500	1053292520	Vietcombank	4,622,000	Trần Văn Diện	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
464	Bùi Văn Khải	8480	0341007074006	Vietcombank	2,789,000	Đinh Thị Gái	Tuất 1 liệt sỹ
465	Nguyễn Thị Hương	8478	0341007093047	Vietcombank	2,789,000	Đặng Thị Lân	Tuất 1 liệt sỹ
466	Phạm Ngọc Sang	8477	1040088994	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Diệp	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
467	Nguyễn Đình Bằng	33031	1510719412	BIDV	1,565,000	Đặng Thị Mỵ	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
468	Nguyễn Thu Hoàn	52310	0341006904320	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Cảnh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
469	Nguyễn Thị Thu	50059	0341006906486	Vietcombank	1,565,000	Trần Thị Bén	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
470	Trần Thị Liêm	45155	1044141095	Vietcombank	1,565,000	Nguyễn Thị Nền	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
471	Bùi Thị Huyền	2530	1041019932	Vietcombank	1,673,000	Bùi Viết Huệ	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
472	Nguyễn Thị May	32656	0341006906476	Vietcombank	2,789,000	Nguyễn Thị Xuê	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
473	Phạm Thị Mai	36973	0341001859771	Vietcombank	1,673,000	Phạm Văn Sấn	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
474	Vũ Văn Vương	49485	103001619618	Vietinbank	2,053,000	Vũ Văn Vương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
475	Phạm Văn Sáng	23742	105003359530	Vietinbank	2,683,000	Phạm Văn Sơ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
476	Đặng Thị Duyên	21634	102876368789	Vietinbank	1,969,000	Phạm Thị Liên	TB suy giảm KNLĐ 22%

477	Phạm Thị Tô Hòa	22532	108001655451	Vietinbank	6,436,000	Phạm Đức Nghìn	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
478	Nguyễn Thiện Chung	16983	104871751541	Vietinbank	9,085,000	Nguyễn Thiên Phế	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên
479	Vũ Văn Vương	30653	103001619618	Vietinbank	4,622,000	Vũ Văn Vương	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
480	Phạm Huy Sơn	8431	102001677518	Vietinbank	2,789,000	Đàm Thị Ân	Tuất 1 liệt sỹ
481	Vương Thị Khuyên	7705	109001662128	Vietinbank	2,789,000	Phạm Thị Thu	Tuất 1 liệt sỹ
482	Nguyễn Thị Kim	7696	101867322278	Vietinbank	2,789,000	Phùng Thị Thắng	Tuất 1 liệt sỹ
483	Nguyễn Thiện Chung		104871751541	Vietinbank	2,789,000	Nguyễn Thiện Chung	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình
484	Phạm Thị Tô Hòa	14333	108001655451	Vietinbank	3,542,000	Phạm Đức Nghìn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
485	Nguyễn Thị Hiền	8475	100870705840	Viettinbank	2,789,000	Đặng Thị Phín	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
486	Nguyễn Đức Phán	52234	2312231074000	Agribank	2,770,000	Nguyễn Đức Phán	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
487	Nguyễn Hồng Quang	52150	2312231072243	Agribank	3,132,000	Nguyễn Hồng Quang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
488	Nguyễn Văn Khanh	51075	2312231072809	Agribank	4,561,000	Nguyễn Văn Khanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
489	Nguyễn Đức Tiếu	51073	2312231075603	Agribank	2,411,000	Nguyễn Đức Tiếu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
490	Đặng Văn Hảo	51071	2312231080270	Agribank	2,236,000	Đặng Văn Hảo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
491	Đặng Xuân Phước	51066	2312231093880	Agribank	3,040,000	Đặng Xuân Phước	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
492	Trần Đức Trọng	51065	2312231074261	Agribank	1,878,000	Trần Đức Trọng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
493	Nguyễn Anh Tuấn	50913	2312231074118	Agribank	1,878,000	Nguyễn Anh Tuấn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
494	Nguyễn Tiến Quyên	46772	2312231072713	Agribank	2,144,000	Nguyễn Tiến Quyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
495	Nguyễn Đình Soi	35213	2312231070701	Agribank	2,053,000	Nguyễn Đình Soi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
496	Nguyễn Đức Trình	35183	2312231074160	Agribank	3,132,000	Nguyễn Đức Trình	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
497	Nguyễn Văn Khoa	33608	2312231071292	Agribank	2,589,000	Nguyễn Văn Khoa	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%

498	Lê Quang Luyến	33605	2312231072368	Agribank	2,770,000	Lê Quang Luyến	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
499	Nguyễn Doãn Minh	33597	2312231071286	Agribank	2,589,000	Nguyễn Doãn Minh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
500	Nguyễn Ngọc Thuần	25405	2312205235888	Agribank	2,862,000	Nguyễn Ngọc Thuần	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
501	Vũ Đức Thịnh	25356	2312231074051	Agribank	2,236,000	Vũ Đức Thịnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
502	Nguyễn Thị Khoai	25140	2312231082095	Agribank	2,144,000	Nguyễn Ngọc Thiệp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
503	Nguyễn Văn Thanh	24906	2312231072300	Agribank	2,770,000	Nguyễn Văn Thanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
504	Trần Văn Thạch	24792	2312231079344	Agribank	2,236,000	Trần Văn Thạch	TB suy giảm KNLĐ 25%
505	Nguyễn Văn Thắp	24782	2312231082247	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Thắp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
506	Nguyễn Văn Tư	24076	2312231071500	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Tư	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
507	Nguyễn Quang Sự	24034	2312231073978	Agribank	3,667,000	Nguyễn Quang Sự	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
508	Nguyễn Quang Sản	23830	2312205111701	Agribank	1,878,000	Nguyễn Quang Sản	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
509	Nguyễn Hữu Quỳnh	23509	2312205148225	Agribank	1,878,000	Nguyễn Hữu Quỳnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
510	Nguyễn Tiến Nhưng	22903	2312231072867	Agribank	2,770,000	Nguyễn Tiến Nhưng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
511	Nguyễn Văn Ngợi	22625	2312231074022	Agribank	1,878,000	Nguyễn Văn Ngợi	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
512	Nguyễn Thị Tâm	22462	2312215031390	Agribank	2,236,000	Nguyễn Tiến Ngạc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
513	Nguyễn Duy Nội	22400	2312231072460	Agribank	1,878,000	Nguyễn Duy Nội	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
514	Nguyễn Quang Lâm	21390	2312231082565	Agribank	2,770,000	Nguyễn Quang Lâm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
515	Nguyễn Ngọc Lâm	21388	2312231070760	Agribank	2,770,000	Nguyễn Ngọc Lâm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
516	Nguyễn Ngọc Kiểm	21248	2312205022580	Agribank	3,132,000	Nguyễn Ngọc Kiểm	TB suy giảm KNLĐ từ 35%
517	Phạm Văn Khoản	21120	2312231081976	Agribank	2,770,000	Phạm Văn Khoản	TB suy giảm KNLĐ 31%
518	Nguyễn Văn Khẩn	21055	2312231082014	Agribank	2,770,000	Nguyễn Văn Khẩn	TB suy giảm KNLĐ 31%

519	Nguyễn Đình Khảm	20959	2312231070697	Agribank	2,770,000	Nguyễn Đình Khảm	TB suy giảm KNLĐ 31%
520	Nguyễn Đình Hoạt	20633	2312231071523	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đình Hoạt	TB suy giảm KNLĐ từ 21%
521	Nguyễn Huy Hiên	20269	2312231074929	Agribank	2,236,000	Nguyễn Huy Hiên	TB suy giảm KNLĐ từ 25%
522	Vũ Ngọc Hội	20210	2312211420359	Agribank	1,969,000	Vũ Ngọc Hội	TB suy giảm KNLĐ 22
523	Lê Quang Duyến	19664	2312231074840	Agribank	1,878,000	Lê Quang Duyến	TB suy giảm KNLĐ 21%
524	Trần Công Duễ	19639	2312231074941	Agribank	2,770,000	Trần Công Duễ	TB suy giảm KNLĐ 31%
525	Nguyễn Doãn Chiều	19023	2312231072250	Agribank	2,053,000	Nguyễn Doãn Chiều	TB suy giảm KNLĐ từ 23%
526	Nguyễn Thanh Cầy	18784	2312231082326	Agribank	4,382,000	Nguyễn Thanh Cầy	TB suy giảm KNLĐ 49%
527	Nguyễn Đức Cảnh	18607	2312231074617	Agribank	3,667,000	Nguyễn Đức Cảnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
528	Nguyễn Tiến Bình	18055	2312205022550	Agribank	1,878,000	Nguyễn Tiến Bình	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
529	Trương Đình Đức	17824	2312231071053	Agribank	2,053,000	Trương Đình Đức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
530	Nguyễn Thế Đề	17724	2312231093844	Agribank	2,053,000	Nguyễn Thế Đề	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
531	Nguyễn Văn Điền	17664	2312231081789	Agribank	2,862,000	Nguyễn Văn Điền	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
532	Nguyễn Đắc Đối	17578	2312231075077	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đắc Đối	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
533	Đặng Xuân Đơ	17320	2312231080090	Agribank	3,667,000	Đặng Xuân Đơ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
534	Đặng Văn Tú	25712	2312231074249	Agribank	3,667,000	Đặng Anh Tú	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
535	Nguyễn Đình Khanh	23661	2312249004191	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đình Rật	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
536	Đặng Xuân Lảo	22357	2312231093821	Agribank	2,236,000	Đặng Văn Nảo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%
537	Nguyễn Đình Khanh	21024	2312249004191	Agribank	1,878,000	Nguyễn Đình Khanh	TB suy giảm KNLĐ 21%
538	Nguyễn Vân Trang	25280	2312215004562	Agribank	6,794,000	Nguyễn Đình Thừa	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%
539	Đặng Văn Xuyên	26940	2312231080661	Agribank	5,450,000	Đặng Văn Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%

540	Nguyễn Văn Bang	900	2312205123486	Agribank	2,911,000	Nguyễn Duy Cận	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
541	Đàm Huy Kiệm	893	2312231070730	Agribank	2,911,000	Đàm Huy Kiệm	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
542	Nguyễn Văn Đẳng	892	2312231072532	Agribank	2,911,000	Nguyễn Văn Đẳng	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
543	Nguyễn Đức Tiếu	891	2312231075603	Agribank	2,911,000	Nguyễn Đức Tiếu	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
544	Nguyễn Văn Nhu	742	2312231082043	Agribank	2,911,000	Nguyễn Văn Nhu	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
545	Nguyễn Văn Tuyên	741	2312231081766	Agribank	2,911,000	Nguyễn Văn Tuyên	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%
546	Bùi Đình Thụ	901	2312231027646	Agribank	2,911,000	Bùi Đình Thụ	BB suy giảm KNLĐ từ 49%
547	Đặng Văn Nhật	899	2312231080757	Agribank	3,627,000	Đặng Văn Nhật	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%
548	Nguyễn Văn Điến	898	2312231079430	Agribank	3,627,000	Nguyễn Văn Điến	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%
549	Nguyễn Văn Khanh	32357	2312231072809	Agribank	4,622,000	Nguyễn Văn Khanh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
550	Nguyễn Văn Khánh	32147	2312231082139	Agribank	4,622,000	Nguyễn Ngọc Tháu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
551	Đặng Văn Hảo	31997	2312231080270	Agribank	4,622,000	Đặng Văn Hảo	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
552	Nguyễn Trọng Kim	31791	2312231079691	Agribank	4,622,000	Nguyễn Trọng Kim	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
553	Đặng Đức Chiến	31649	2312231093549	Agribank	4,622,000	Đặng Đức Chiến	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
554	Nguyễn Văn Năng	31067	2312231074885	Agribank	4,622,000	Nguyễn Văn Năng	BB suy giảm KNLĐ 61%
555	Đặng Xuân Phước	30806	2312231093880	Agribank	4,622,000	Đặng Xuân Phước	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
556	Trần Văn Hải	30637	2312231078420	Agribank	4,622,000	Trần Văn Hải	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
557	Nguyễn Hồng Quang	30517	2312231072243	Agribank	4,622,000	Nguyễn Hồng Quang	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
558	Phạm Thế Kỷ	30411	2312231081999	Agribank	4,622,000	Phạm Thế Kỷ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
559	Nguyễn Hữu Quỳnh	30194	2312205148225	Agribank	4,622,000	Nguyễn Hữu Quỳnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
560	Nguyễn Đức Phán	30035	2312231074000	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Phán	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%

561	Nguyễn Nghi Chổn	29691	2312231074182	Agribank	4,622,000	Nguyễn Nghi Chổn	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
562	Nguyễn Tiến Viên	29632	2312231072453	Agribank	4,622,000	Nguyễn Tiến Viên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
563	Nguyễn Quang Lâm	28714	2312231082565	Agribank	4,622,000	Nguyễn Quang Lâm	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
564	Nguyễn Đức Đệ	28542	2312205423351	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Đệ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
565	Nguyễn Đức Cảnh	28535	2312231074617	Agribank	4,622,000	Nguyễn Đức Cảnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
566	Phạm Thế Giang	744	2312231081579	Agribank	4,622,000	Phạm Thế Giang	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
567	Vũ Thị Sáu	30281	2312215029297	Agribank	4,622,000	Vũ Ngọc Thoảng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
568	Nguyễn Trọng Toàn	29989	2312205198007	Agribank	4,622,000	Nguyễn Trọng Toàn	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%
569	Nguyễn Thiên Thiểm	27729	2312231093692	Agribank	5,329,000	Nguyễn Thiên Thiểm	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
570	Nguyễn Doãn Chiều	27668	2312231072250	Agribank	5,329,000	Nguyễn Doãn Chiều	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
571	Nguyễn Ngọc Thuần	27601	2312205235888	Agribank	5,329,000	Nguyễn Ngọc Thuần	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
572	Nguyễn Viết Quả	27339	2312231075632	Agribank	5,329,000	Nguyễn Viết Quả	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%
573	Phạm Xuân Sứ	41923	2312205274193	Agribank	7,777,000	Phạm Xuân Sứ	BB suy giảm KNLĐ từ 81-90%
574	Đặng Văn Xuyền	14564	2312231093771	Agribank	2,280,000	Đặng Văn Xuyền	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
575	Nguyễn Văn Phạn	14561	2312231075048	Agribank	2,646,000	Nguyễn Văn Phạn	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
576	Nguyễn Viết Thiệu	14560	2312231073961	Agribank	2,577,000	Nguyễn Viết Thiệu	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%
577	Đặng Xuân Năm	42549	2312231080518	Agribank	2,789,000	Vũ Thị Nữ	Tuất 1 liệt sỹ
578	Trần Văn Thiềng	33731	2312231079469	Agribank	2,789,000	Bùi Thị Biện	Tuất 1 liệt sỹ
579	Trần Văn Thiềng	33730	2312231079469	Agribank	2,789,000	Trần Văn Thiềng	Tuất 1 liệt sỹ
580	Bùi Thị Thương	8482	2312231093611	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Đói	Tuất 1 liệt sỹ
581	Nguyễn Thị Kim	8476	2312231093634	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất 1 liệt sỹ

582	Lê Thị Nguyệt Minh	8469	103881695173	Viettinbank	2,789,000	Nguyễn Thị Huấn	Tuất 1 liệt sỹ
583	Nguyễn Thị Định	8462	2312231073990	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Định	Tuất 1 liệt sỹ
584	Nguyễn Thị Tảo	8454	2312231070680	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tảo	Tuất 1 liệt sỹ
585	Nguyễn Thị Tịnh	8452	2312231070639	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tịnh	Tuất 1 liệt sỹ
586	Nguyễn Thị Kiên	8449	2312231074580	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Kiên	Tuất 1 liệt sỹ
587	Lê Quang Luyến	8446	2312231072368	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nền	Tuất 1 liệt sỹ
588	Nguyễn Thị Bích Liên	8445	2312231072289	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tía	Tuất 1 liệt sỹ
589	Nguyễn Thị Đan	8442	2312231070645	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Đan	Tuất 1 liệt sỹ
590	Phùng Thị Hạnh	8439	2312231075480	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Thắm	Tuất 1 liệt sỹ
591	Nguyễn Thị Lanh	8436	2312231071060	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Lanh	Tuất 1 liệt sỹ
592	Nguyễn Ngọc Tuấn	8433	2312231072295	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Khâm	Tuất 1 liệt sỹ
593	Phạm Thị Hạ	7708	2312231081743	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Cẩm	Tuất 1 liệt sỹ
594	Phạm Thị Tơ	7707	2312205017600	Agribank	2,789,000	Trương Thị Đan	Tuất 1 liệt sỹ
595	Phùng Văn Bề	7701	2312231081953	Agribank	2,789,000	Phạm Thị La	Tuất 1 liệt sỹ
596	Phạm Văn Núi	7700	2312231081556	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Gắn	Tuất 1 liệt sỹ
597	Phạm Văn Núi	7694	2312231081556	Agribank	2,789,000	Phạm Văn Cao	Tuất 1 liệt sỹ
598	Phạm Thị Tươi	7691	2312215030346	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nhạn	Tuất 1 liệt sỹ
599	Phạm Thị Đáng	7687	2312231081419	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Đáng	Tuất 1 liệt sỹ
600	Nguyễn Thị Nga	7686	123002	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Thanh	Tuất 1 liệt sỹ
601	Phạm Đức Bẩy	7685	2312205069105	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Tư	Tuất 1 liệt sỹ
602	Nguyễn Thị Ân	7690	2312231071598	Agribank	2,789,000	Đoàn Thị Ân	Tuất 1 liệt sỹ

603	Phạm Thị Vần	7692	2312231081612	Agribank	5,020,000	Phạm Thị Bít	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND
604	Nguyễn Duy Bộ	42406	2312205041062	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Kim	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
605	Đồng Xuân Hoàn	42188	2312205316105	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Quanh	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
606	Nguyễn Thị Ngụ	42049	2312231070493	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Ngụ	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
607	Nguyễn Duy Đồng	40575	2312205335390	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Hòa	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
608	Nguyễn Thị Thì	8471	2312231080350	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Thì	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
609	Đặng Văn Thuấn	8467	2312205146729	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Sợi	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
610	Nguyễn Thị Nghi	8461	2312231070747	Agribank	2,789,000	Nguyễn Thị Nghi	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
611	Trần Văn Tâm	7684	2312205197532	Agribank	2,789,000	Phùng Thị Nhung	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác
612	Nguyễn Thị Diễn	49864	2312231073824	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Diễn	Tuất cán bộ TKN hưởng ĐXCB
613	Nguyễn Thị Thoán	52932	2312231079610	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Thoán	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
614	Phùng Thị Hạnh	42397	2312231072640	Agribank	1,565,000	Phùng Thị Hạnh	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
615	Đặng Thị Thuật	14937	2312249008679	Agribank	1,565,000	Đăng Thị Thuật	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
616	Phùng Thị Dụng	46299	2312231071018	Agribank	1,565,000	Phùng Thị Dụng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
617	Nguyễn Thị Tánh	25369	2312231073984	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Tánh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
618	Nguyễn Thị Khuê	35900	2312231093713	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Khuê	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
619	Đặng Văn Cộng	34483	2312205103160	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Tải	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
620	Trần Thị Sen	33884	2312231073780	Agribank	1,565,000	Trần Thị Sen	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
621	Đặng Thị Giang	51063	2312231002718	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Sò	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
622	Nguyễn Thị Hải	15488	3403205385765	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Hải	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB
623	Đồng Thị Tẹo	53320	2312205290749	Agribank	1,565,000	Đồng Thị Tẹo	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB

624	Trần Thị Dã	46278	2312231071660	Agribank	1,565,000	Trần Thị Dã	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
625	Nguyễn Thị Tích	49013	2312231081720	Agribank	1,565,000	Nguyễn Thị Tích	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
626	Nguyễn Tiến Hỗ	48952	2312231072339	Agribank	1,565,000	Nguyễn Tiến Hỗ	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB
627	Phạm Xuân Sứ		2312205274193	Agribank	2,789,000	Phạm Xuân Cường	Người phục vụ BB từ 81% trở lên ở gia đình
628	Nguyễn Huy Lợi	50258	2312231075820	Agribank	2,120,000	Nguyễn Huy Lợi	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
629	Nguyễn Văn Minh	50150	7702233113	Vietcombank	2,120,000	Dịp Xay Vồ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
630	Đặng Xuân Lảo	49771	2312231093821	Agribank	2,120,000	Đặng Xuân Lảo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
631	Trần Đức Trọng	46206	2312231074261	Agribank	2,120,000	Trần Đức Trọng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
632	Nguyễn Tiến Bình	45918	2312205022550	Agribank	2,120,000	Nguyễn Tiến Bình	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
633	Trần Công Duễ	53171	2312231074941	Agribank	2,120,000	Trần Công Duễ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%
634	Nguyễn Thị Khoai	45514	2312231082095	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Thiệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
635	Nguyễn Thế Thích	44797	2312231080728	Agribank	3,542,000	Nguyễn Thế Thích	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
636	Đặng Xuân Lai	41546	2312231079640	Agribank	3,542,000	Đặng Xuân Lai	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
637	Phạm Văn Khoản	39916	2312231081976	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Khoản	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
638	Nguyễn Hồng Quân	37767	2312231073695	Agribank	3,542,000	Nguyễn Hồng Quân	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
639	Lê Ngọc Điềm	37766	2312231071625	Agribank	3,542,000	Lê Ngọc Điềm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
640	Nguyễn Ngọc Khen	37765	2312231071149	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Khen	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
641	Nguyễn Tiến Hóa	37764	2312231072418	Agribank	3,542,000	Nguyễn Tiến Hóa	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
642	Nguyễn Tiến Kiệm	37763	2312205090879	Agribank	3,542,000	Nguyễn Tiến Kiệm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
643	Nguyễn Đắc Cứu	37762	2312231074652	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đắc Cứu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
644	Nguyễn Anh Tuấn	37760	2312231074118	Agribank	3,542,000	Nguyễn Anh Tuấn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%

645	Trần Văn Viết	37758	2312231075140	Agribank	3,542,000	Trần Văn Viết	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
646	Nguyễn Huy Oanh	37757	2312231074284	Agribank	3,542,000	Nguyễn Huy Oanh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
647	Nguyễn Ngọc Tám	37755	2312231076011	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Tám	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
648	Nguyễn Thị Liên	37753	2312231072578	Agribank	3,542,000	Nguyễn Tiến Ý	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
649	Nguyễn Thị Thu Thủy	37752	2312231072549	Agribank	3,542,000	Nguyễn Xuân Gắn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
650	Nguyễn Đình Soi	37751	2312231070701	Agribank	3,542,000	Nguyễn Đình Soi	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
651	Trần Công Hùng	37749	2312231074459	Agribank	3,542,000	Trần Công Hùng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
652	Phạm Thành Lĩnh	37701	2312231082299	Agribank	3,542,000	Phạm Thành Lĩnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
653	Phạm Văn Nhắc	37700	2312231081874	Agribank	3,542,000	Phạm Văn Nhắc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
654	Nguyễn Thị Đào	33234	2312231070782	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Huệ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
655	Bùi Ngọc Thống	33176	2312231078262	Agribank	3,542,000	Bùi Ngọc Thống	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
656	Đặng Xuân Duyên	33175	2312231078329	Agribank	3,542,000	Đặng Xuân Duyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
657	Nguyễn Ngọc Tháu	32816	2312231082139	Agribank	3,542,000	Nguyễn Ngọc Tháu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
658	Nguyễn Huy Hiên	32809	2312231074929	Agribank	3,542,000	Nguyễn Huy Hiên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
659	Nguyễn Văn Khẩn	32648	2312231082014	Agribank	3,542,000	Nguyễn Văn Khẩn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
660	Phạm Thế Kỷ	32646	2312231081999	Agribank	3,542,000	Phạm Thế Kỷ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
661	Trương Đình Đức	14208	2312231071053	Agribank	3,542,000	Trương Đình Đức	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%
662	Nguyễn Đình Ngấn	38685	2312231071530	Agribank	4,964,000	Nguyễn Đình Ngấn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
663	Doãn Tiến Dũng	38673	2312231027681	Agribank	4,964,000	Doãn Tiến Dũng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
664	Nguyễn Thế Đề	38647	2312231093844	Agribank	4,964,000	Nguyễn Thế Đề	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
665	Đặng Văn Ngọ	38646	2312231079498	Agribank	4,964,000	Đặng Văn Ngọ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%

666	Phạm Văn Thượng	38645	2312231081897	Agribank	4,964,000	Phạm Văn Thượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
667	Phạm Văn Núi	38644	2312231081556	Agribank	4,964,000	Phạm Huy Thiều	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%
668	Nguyễn Thị Liên	2529	2312215007026	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Liên	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
669	Trần Công Lành	2526	2312231074357	Agribank	1,673,000	Trần Công Lành	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
670	Nguyễn Thị Đào	2462	2312231070782	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Dơn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
671	Phạm Văn Núi	3277	2312231081556	Agribank	1,673,000	Phạm Huy Núi	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
672	Nguyễn Hữu Quỳnh	2531	2312205148225	Agribank	1,673,000	Đặng Thị Bình	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
673	Đặng Văn Nhật	2528	2312231080757	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Hải	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
674	Phạm Thành Lĩnh	2463	2312231082299	Agribank	2,789,000	Phạm Thị Mây	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên
675	Nguyễn Duy Nội	41798	2312231072460	Agribank	1,673,000	Nguyễn Duy Nội	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
676	Nguyễn Ngọc Lâm	36975	2312231070760	Agribank	1,673,000	Nguyễn Ngọc Lâm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
677	Nguyễn Văn Đẳng	36960	2312231072532	Agribank	1,673,000	Nguyễn Văn Đẳng	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
678	Lê Mạnh Quỳnh	36958	2312215011516	Agribank	1,673,000	Nguyễn Hữu Tuế	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
679	Nguyễn Duy Tỉu	36957	2312231074993	Agribank	1,673,000	Nguyễn Duy Tỉu	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
680	Nguyễn Tiến Nhưng	36956	2312231072867	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thị Tường	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
681	Nguyễn Thiên Thiềm	36893	2312231093692	Agribank	1,673,000	Nguyễn Thiên Thiềm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
682	Nguyễn Quang Sự	36953	2312231073978	Agribank	1,673,000	Nguyễn Xuân Sự	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày
683	Nguyễn Văn Bình	34760	2312205379061	Agribank	2,628,000	Nguyễn Văn Bình	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT
684	Đinh Văn Sang	54131	8893642970	BIDV	1,565,000	Bùi Thị Thuần (tăng mới tháng 9)	Tuấn bệnh binh 61% trở lên
685	Bùi Thế Lộc	47044	2312205138188	Agribank	2,120,000	Bùi Thế Lộc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
686	Nguyễn Thiện Đảm	47045	1062598714	Vietcombank	2,120,000	Nguyễn Thiện Đảm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%

687	Nguyễn Thế Vết	34788	2312231079583	Agribank	2,746,000	Nguyễn Thế Vết	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT
688	Lê Quang Duyến	47139	2312231074840	Agribank	2,120,000	Lê Quang Duyến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
689	Nguyễn Trọng Phường	47138	2312231072237	Agribank	2,770,000	Nguyễn Trọng Phường	Thương binh suy giảm KNLĐ từ 21%-61%
690	Nguyễn Doãn Bắc	47191	9867194851	Vietcombank	2,236,000	Nguyễn Doãn Bắc	Thương binh suy giảm KNLĐ từ 21%-61%
691	Nguyễn Thị Thu	47140	8867385212	BIDV	1,565,000	Nguyễn Thị Thu	Tuất thương bệnh binh 61% trở lên
692	Nguyễn Đắc Đối	47266	2312231075077	Agribank	2,120,000	Nguyễn Đắc Đối	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
693	Phạm Văn Lập	47267	2312205275217	Agribank	2,120,000	Phạm Trung Lập	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
694	Vũ Văn Định	2534	2312205448708	Agribank	1,673,000	Bùi Thị Mùa	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%
695	Nguyễn Thiện Khoát	47437	0301000404727	Vietcombank	2,120,000	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
696	Phạm Thanh Chỉnh	47436	2312205145959	Agribank	2,120,000	Phạm Thanh Chỉnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
697	Nguyễn Văn Hoan	47596	2312231076460	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Hoan	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
698	Nguyễn Thế Võ	47597	2312205445593	Agribank	2,120,000	Nguyễn Thế Võ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%
699	Nguyễn Văn Chinh	47265	2312249009874	Agribank	2,120,000	Nguyễn Văn Chinh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ 35%

Tổng số người: 699 người 2,141,710,000

Tổng số tiền: 2.141.710.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm mười nghìn đồng.

Chí minh ngày 05 tháng 8 năm 2026

Người lập danh sách

Trần Thị Loan

KT, CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Anh Tuấn

